

Bản án số: 61/2017/HSST

Ngày 26/10/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN
*Với T phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đức Long

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Hợp – Cán bộ nghỉ chế độ BHXH .

2. Ông Trần Quang Hiền – Trưởng Công an xã Minh Tiến.

T' ký tòa án ghi B bản phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khánh - T' ký Tòa án nhân dân Huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại D Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Lã Thị Tiến - Kiểm sát viên

Trong ngày 26 tháng 10 năm 2017, tại Toà án nhân dân Huyện Đ, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đã thụ lý số: 54/2017/HSST ngày 09/10/2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **TẠC V M -15/7/1985**

Trú tại: Xóm K 1, xã P, Huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Dân tộc: Sán Chí; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Công nhân; Học vấn: 9/12.

Bố đẻ: Tạc V N- 1957; Mẹ đẻ: Lâm Thị V - 1960; Có vợ là Hoàng Bích T - 1987 và 01 con.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **PHẠM T T – 03/4/1988**

Trú tại: Xóm C 2, xã P, Huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Công nhân; Học vấn: 12/12.

Bố đẻ: Phạm Xuân V - 1960; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị D - 1967. Vợ: Hà Thị C - 1990 và có 01 con.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Có mặt tại phiên toà.

3. Họ và tên: **TỔNG ĐỨC T1 – 03/3/1987**

Trú tại: Xóm K 3, xã P, Huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Học vấn: 12/12.

Bố đẻ: Tổng Văn K - 1960; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị C - 1965; Có vợ La Thị H- 1986 và 01 con.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Có mặt tại phiên toà.

4. Họ và tên: **VŨ VĂN L – 10/4/1981**

Trú tại: Xóm 11, xã H, Huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Công nhân; Học vấn: 12/12.

Bố đẻ: Vũ Văn N - 1952; Mẹ đẻ: Trần Thị D - 1954. Có vợ là Đỗ Thị Ngọc L - 1982 và 02 con.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Có mặt tại phiên toà.

5. Họ và tên: **TRẦN VĂN C – 23/02/1991**

Trú tại: Xóm C, xã K, Huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: lái máy xúc; Học vấn: 10/12.

Bố đẻ: Trần Văn B - 1970; Mẹ đẻ: Lê Thị H - 1972. Chưa có vợ, con.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Có mặt tại phiên toà.

6. Họ và tên: **NGUYỄN VĂN T2 -17/02/1991**

Trú tại: Xóm Kh 1, xã P, Huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Học vấn: 12/12.

Bố đẻ: Nguyễn Trung T - 1961; Mẹ đẻ: Vương Thị T' - 1963. Có vợ là Trương Thị T - 1991 và 01 con.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Có mặt tại phiên toà.

7. Họ và tên: **ĐẶNG XUÂN C1 – 20/12/1978**

Trú tại: Xóm C 3, xã P, Huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Học vấn: 9/12.

Bố đẻ: Đặng Xuân H - 1949; Mẹ đẻ: Trịnh Thị B - 1955. Có vợ là Lưu Thị B” - 1983 và 02 con.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2007 bị TAND Huyện Đ xử phạt 24 tháng tù nH cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng. (Bản án đã xóa án tích tháng 5 năm 2012).

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Có mặt tại phiên toà.

8. Họ và tên: **NGUYỄN CÔNG H – 03/3/1984**

Trú tại: Xóm C 3, xã P, Huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng.; Học vấn: 9/12.

Bố đẻ: Nguyễn Công B1 - 1950; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị L - 1950. Có vợ là Tô Thị Hồng H - 1985 và 02 con.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2000 Công an Huyện P xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp. Năm 2003 Công an phường T xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Có mặt tại phiên toà.

Người làm chứng:

1. Lương Quốc H – 1987(Có mặt)

Trú quán: Xóm 1, xã H, Huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Đinh Quang P – 1976(Có mặt)

Trú quán: Xóm 11, xã H, Huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI D VU ÁN:

Trên cơ sở các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả xét hỏi tại phiên tòa thì nội D vụ án như sau:

Hồi 15h40’ ngày 07/6/2017 tổ công tác Công an Huyện Đ phối hợp với Công an xã P, huyện Đ đã lập B bản bắt người phạm tội quả tang các đối tượng gồm: Tạc V M, Phạm T T, Tống Đức T1, Vũ V L, Trần V C, Nguyễn V T2, Đặng Xuân C1 và Nguyễn Công H có hành vi đánh bạc trái phép tại lán bảo vệ mỏ than P thuộc địa phận xã P. Vật chứng thu giữ trên bàn bạc là 5.400.000đ.

Dưới gầm bàn nơi mọi người đánh bạc là 3.400.000đ. 01 bộ tứ lơ khơ gồm 36 quân bài từ A đến 9. Thu giữ trong người Nguyễn V T2 2.000.000đ. Vũ V L 1.030.000đ. Phạm T T 3.000.000đ. Đặng Xuân C1 1.050.000đ. Nguyễn Công H 3.500.000đ. Trần V C 2.000.000đ. Tạc V M 1.000.000đ.

Tại cơ quan CSĐT Công an Huyện Đ và tại phiên tòa các đối tượng đã khai nhận: Khoảng 14h ngày 07/6/2017 Tổng Đức T1, Nguyễn V T2 đến lán bảo vệ chơi thì gặp Vũ V L và Đặng V C1 đang ở lán. Thấy có bộ bài nên bốn người rủ nhau đánh bạc. Hình thức chơi 3 cây ăn tiền. Một người chia bài cho bốn người, mỗi người 3 cây rồi cộng điểm ai là người cao điểm nhất thì được cầm chương. Đặt cửa ít nhất là 50.000đ/ván. Người cầm chương chia cho mỗi người 03 quân bài sau đó cộng điểm. Nếu ai nhiều điểm hơn chương thì được chương trả cho số tiền đã đặt. Nếu ai ít điểm hơn chương thì mất số tiền đã đặt. Nếu chương được 10 điểm thì mọi người trả cho chương gấp đôi số tiền. Nếu B1 điểm thì tính theo chất. Trong ván chơi ai được 10 điểm thì người đó được cầm chương. T1, T2, L và C1 chơi đánh bạc được khoảng 15 phút thì có Tạc V M và Phạm T T đến và cùng tham gia đánh bạc. Khoảng 05 phút sau thì có Trần V C và Nguyễn Công H đến và cùng tham gia đánh bạc cho đến khi bị bắt quả tang. Khi tham gia đánh bạc Tạc V M sử dụng khoảng 800.000đ. Tổng Đức T1 sử dụng khoảng 1.100.000đ. Nguyễn V T2 sử dụng 1.050.000đ. Trần V C sử dụng 550.000đ. Phạm T T sử dụng 600.000đ. Vũ V L sử dụng 1.050.000đ. Đặng Xuân C1 không mang theo tiền khi bị bắt thắng 1.050.000đ. Nguyễn Công H sử dụng 200.000đ.

Tại bản cáo trạng số 56/KSĐT ngày 05/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Tạc V M, Phạm T T, Tổng Đức T1, Vũ V L, Trần V C, Nguyễn V T2, Đặng Xuân C1 và Nguyễn Công H về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 của BLHS.

Tại phiên tòa ngày hôm nay đại D VKSND Huyện Đ giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; Điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 60 của BLHS xử phạt bị cáo Tạc V M, Phạm T T, Tổng Đức T1, Vũ V L, Trần V C, , 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo. Đặng Xuân C1, Nguyễn Công H từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo. Nguyễn V T2 phạt tiền từ 12 đến 15 triệu đồng.

Phạt bổ sung: Phạt các bị cáo từ 3.000.000 đến 5.000.000 đ sung công quỹ nhà nước.

Xử lý vật chứng và buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định C sung công quỹ nhà nước

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

{1}. Về căn cứ buộc tội: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa như sau:

Bị cáo L khai: Bị cáo là công nhân làm bảo vệ của mỏ than P. Ngày 07/6/2017 bị cáo làm nhiệm vụ tại lán. Lúc đó có C1 nhà ở xã P ra chơi. Lúc sau có T1 và T2 đến chơi. Sẵn có bộ tú ở đó nên mọi người rủ nhau chơi ba cây ăn tiền. Quy định người cầm chương chia cho mỗi người chơi 3 quân bài sau đó cộng điểm. Nếu ai có điểm cao hơn chương thì người đó được chương trả cho số tiền đã đặt. Nếu thấp điểm hơn chương thì mất số tiền đã đặt. Nếu chương được 10 điểm thì pB” trả gấp đôi số tiền đã đặt. Ai được 10 điểm thì được cầm chương. Mỗi ván chơi đặt tiền thấp nhất là 50.000đ/ván. Bốn người chơi được khoảng 15 phút thì có T và M đến và cùng tham gia đánh bạc. Lúc sau có C1 và H đến và tham gia đánh bạc cùng. Đến khoảng 15 giờ 40 phút thì bị Công an bắt quả tang. Thu giữ trên bàn bạc 5.400.000đ. Dưới gầm bàn 3.400.000đ và 01 bộ tú 36 quân. Thu giữ trên người các bị cáo số tiền là 13.580.000đ.

Các bị cáo Tạc V M, Phạm T T, Tống Đức T1, Trần V C, Nguyễn V T2, Đặng Xuân C1 và Nguyễn Công H khai nhận hành vi đánh bạc trái phép của mình vào chiều ngày 07/6/2017 tại lán bảo vệ mỏ than Phấn Mễ.

{2}. Về số tiền đánh bạc: Theo lời khai của các bị cáo tại phiên tòa và theo cáo trạng là 6.650.000đ. Tuy nhiên căn cứ vào B bản phạm pháp quả tang thì số tiền trên bàn bạc là 5.400.000đ. Số tiền thu dưới gầm bàn là 3.400.000đ không ai thừa nhận và khẳng định số tiền đó là tiền đánh bạc. Thu giữ của Đặng Xuân C 1.050.000đ C khai là tiền thắng bạc. Do vậy tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 9.850.000đ.

Như vậy hành vi cá cược trái phép được thu B1 tiền với tổng số tiền cá cược là 9.850.000đ của các bị cáo Tạc V M, Phạm T T, Tống Đức T1, Vũ V L, Trần V C, Nguyễn V T2, Đặng Xuân C1 và Nguyễn Công H đã phạm tội “Đánh bạc” phạm vào khoản 1 Điều 248 của BLHS.

Tại khoản 1 Điều 248 của BLHS quy định:

1. “Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua B1 tiền hay hiện vật có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 249 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị

phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ ba triệu đồng đến năm triệu đồng.

Do vậy các bị cáo pB” chịu hình phạt mà điều luật quy định.

Xét tính chất hành vi của các bị cáo là ít nghiêm trọng. Hành vi đó đã xâm phạm đến trật tự công cộng. Như chúng ta biết cờ bạc là tệ nạn xã hội do xã hội cũ để lại. Từ cờ bạc là nguyên nhân dẫn đến các loại tội phạm khác như trộm cắp, gây T’ong tích... Chính vì vậy Nhà nước đã nghiêm cấm các hành vi đánh bạc trái phép d-ới bất kỳ hình thức nào.

{3}. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Xét tình tiết tăng nặng TNHS thì thấy các bị cáo không pB” chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 48 của BLHS.

Xét tình tiết giảm nhẹ TNHS thì thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo Tạc V M, Phạm T T, Tống Đức T1, Vũ V L, Trần V C, Nguyễn V T2 và Nguyễn Công H đã T khản khai báo, ăn năn hối Ci. Các bị cáo Tạc V M, Phạm T T, Tống Đức T1, Vũ V L, Trần V C, Nguyễn V T2 và Nguyễn Công H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại phiên tòa các bị cáo đã T khản khai báo, ăn năn hối Ci nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 của BLHS. Bị cáo Đặng Xuân C1 T khản khai báo, ăn năn hối cải và có bố đê được tặng thưởng Huân chương, là người hưởng chế độ chất độc hóa học đây là tình tiết theo quy định của BLHS năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51. Như vậy bị cáo đều có 02 tình tiết giảm nhẹ.

{4} Xét vai trò của các bị cáo thì thấy: Các bị cáo đánh bạc tự phát, không có người rủ rê, lôi kéo nên các bị cáo pB” chịu trách nhiệm như nhau. Tuy nhiên các bị cáo M, L là bảo vệ đê cho các bị cáo khác đánh bạc tại lán bảo vệ nên các bị cáo này pB” chịu trách nhiệm cao hơn.

{5}. Xét nhân thân các bị cáo thì thấy các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, có việc làm ổn định. Riêng đỏi với bị cáo C1 và bị cáo H đã bị kết án và xử lý hành chính đã được xóa án tích 05 năm và được coi là chưa có tiền sự trên 10 năm và có đơn xin bảo lãnh của chính quyền địa phương. Như vậy theo NQ số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì các bị cáo có đủ điều kiện đê được hưởng án treo.

{6}. Về hình phạt:

Căn cứ vào tính chất hành vi, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS và nhân thân của các bị cáo thì thấy: Bị cáo M, L, C1, H cần lên mức án từ 09 đến 12 tháng tù nH cho hưởng án treo. Bị cáo T1, C, T, mức án từ 06 đến 09 tháng tù nH cho hưởng án treo. Bị cáo T2 áp dụng hình phạt tiền từ 15.000.000đ đến 16.000.000đ như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Cần áp dụng khoản 3 Điều 248 phạt mỗi bị cáo được hưởng án treo từ 5.000.000 đ đến 6.000.000 đ sung công.

{7}.Về vật chứng: Số tiền 9.850.000 đ các bị cáo sử dụng đánh bạc nên cần tịch thu sung NSNN(Gồm tiền trên bàn bạc 5.400.000đ, dưới gầm bàn 3.400.000đ và thu giữ của C1là 1.050.000đ). Số tiền thu trong người các bị cáo cần tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án. 36 quân bài cần tịch thu tiêu hủy.

{8}.Về án phí: Các bị cáo pB” chịu án phí theo quy định để sung công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Tạc V M, Phạm T T, Tống Đức T1, Vũ V L, Trần V C, Nguyễn V T2, Đặng Xuân C1 và Nguyễn Công H phạm tội: “Đánh bạc”.

***Áp dụng:** Khoản 1 Điều 248; Điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53; Điều 60 của BLHS(Trừ bị cáo C1 không áp dụng điểm h) .(Điểm x khoản 1 Điều 51BLHS năm 2015 đối với bị cáo C1).

Xử phạt:

1. Tạc V M: 09 tháng tù nH cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo M về UBND xã P, Hện Đ, tỉnh Thái Nguyên trực tiếp giám sát và giáo dục.

2. Vũ V L: 09 tháng tù nH cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo L về UBND xã H, Hện Đ, tỉnh Thái Nguyên trực tiếp giám sát và giáo dục.

3. Đặng Xuân C1: 09 tháng tù nH cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo C1 về UBND xã P, Hện Đ, tỉnh Thái Nguyên trực tiếp giám sát và giáo dục.

4. Trần V C: 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo C về UBND xã K, Huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên trực tiếp giám sát và giáo dục.

5. **Tổng Đức T1:** 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo T1 về UBND xã P, Huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên trực tiếp giám sát và giáo dục.

6. **Phạm T T:** 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo T về UBND xã P, Huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên trực tiếp giám sát và giáo dục.

7. **Nguyễn Công H:** 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo H về UBND xã P, Huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên trực tiếp giám sát và giáo dục.

***Áp dụng:** Khoản 1 Điều 248; Điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 30 của BLHS .

Xử phạt: Nguyễn V T2: 15.000.000đ sung công quỹ Nhà nước.

***Về hình phạt bổ sung:** Áp dụng khoản 3 Điều 248 của BLHS phạt: Tạc V M, Phạm T T, Tổng Đức T1, Vũ V L, Trần V C, Đặng Xuân C1 và Nguyễn Công H mỗi bị cáo 5.000.000đ sung công.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật các bị cáo pB” nộp tiền phạt 01 lần tại Chi cục thi hành án dân sự Huyện Đ.

*** Về vật chứng:** Áp dụng Điều 41 BLHS; Điều 76 BLTTHS:

- Tịch thu sung công 9.850.000đ. Tạm giữ của Nguyễn V T2 2.000.000đ, Vũ V L 1.030.000đ; Phạm T T 3.000.000đ; Nguyễn Công H 3.500.000đ; Trần V C 2.000.000đ; Tạc V M 1.000.000đ để đảm bảo việc thi hành án.

- Tịch thu tiêu huỷ 36 quân bài (Theo QĐ cHển vật chứng số 43/KSĐT-HS ngày 05/10/2017 của VKSND Huyện Đ).

*** Về án phí:** Áp dụng Điều 99 BLTTHS, NQ 326 về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Tạc V M, Phạm T T, Tổng Đức T1, Vũ V L, Trần V C, Nguyễn V T2, Đặng Xuân C1 và Nguyễn Công H mỗi bị cáo pB” chịu 200.000đ án phí HSST sung công.

Báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhân

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an Huyện Đ;(3b)
- VKSND Huyện Đ;(2b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS Đ + THAHS;
- Người tham gia TT;
- Lưu HS
- Lưu VP

Lương Đức Long